

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/03/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Quy.

2. Bà Nguyễn Minh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 *“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/03/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã HT, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1985.

Người đại diện theo pháp luật của chị T: Bà Mạc Thị T1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn CĐ, xã HT, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Bà Nguyễn Thị Ứng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Anh V, bà Ứng có mặt. Chị T, bà T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh V và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT ngày 08/11/2009. Sau khi kết hôn, chị T về chung sống cùng anh và gia đình anh tại thôn Tè, xã HT. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh làm ăn không được tốt dẫn đến nợ nần. Vì thế, chị T phải lo lắng, suy nghĩ. Ngày 31/12/2010, chị T sinh cháu C. Sau khi sinh con được vài ngày, chị T bị mất ngủ, nói lảm nhảm, cáu gắt, chửi bới người khác. Anh V và mẹ anh V đã đưa chị T đến bệnh viện huyện Nam Sách, bệnh viện thần kinh ở Gia Lộc khám và điều trị cho chị T. Theo bác sĩ thông báo cho gia đình thì chị T bị bệnh trầm cảm sau sinh. Sau khi điều trị, bệnh ổn định được một thời gian nhưng lại tái phát. Cùng lúc đó, con của anh chị lại hay ốm đau. Vì thế, hai bên gia đình thống nhất đưa chị T về nhà mẹ đẻ chị T là bà Mạc Thị T1 để bà chăm sóc chị T. Còn anh V và mẹ đẻ anh là bà Hoa chăm sóc cháu C. Hai bên gia đình vẫn qua lại thăm nom nhau. Do công việc của anh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên thu nhập ít, chỉ đủ nuôi bản thân và con, không hỗ trợ được nhiều cho bà T1 và chị T để chữa bệnh. Anh chị sống ly thân nhau đến nay là hơn 12 năm. Bình thường, sức khỏe và trí nhớ của chị T ổn định. Chị T vẫn đi chăn bò, làm nông nghiệp và các việc nội trợ trong gia đình. Thỉnh thoảng chị T có nói lảm nhảm hoặc chửi bới vu vơ. Anh đã gặp chị T và bà T1 trao đổi về việc anh xin ly hôn chị T để hai bên ổn định cuộc sống. Chị T và bà T1 đồng ý. Vì thế, anh mới làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Đến nay, không hiểu vì lý do gì mà bà T1 không đồng ý cho anh chị ly hôn nữa. Tuy nhiên, anh xét thấy anh và chị T không còn tình cảm vợ chồng, sống ly thân nhiều năm nay, cuộc sống hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị T.

Anh không yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi vì anh không có điều kiện và anh thấy không cần thiết. Bà T1 là mẹ đẻ chị T là người đại diện cho chị T tham gia tố tụng đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho chị T theo quy định của pháp luật. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án để anh chị ổn định cuộc sống.

Về việc cấp dưỡng cho chị T: Anh xác định bản thân anh hiện nay rất khó khăn về kinh tế, không có tài sản riêng. Nếu phải cấp dưỡng cho chị T, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 31/12/2010. Cháu C đang ở cùng anh và mẹ anh là bà Hoa. Khi còn nhỏ, cháu C mắc bệnh giảm trí nhớ, thường xuyên đau ốm và phải đi bệnh viện điều trị rất tốn kém. Mẹ đẻ anh phải hỗ trợ rất nhiều và thường xuyên đưa cháu C đến các trung tâm điều trị cho trẻ có bệnh đặc biệt ở thành phố Hải Dương để điều trị

cho cháu. Hơn 03 tuổi cháu mới bắt đầu biết nói. Hiện nay cháu đang học lớp 8A, trường trung học cơ sở xã HT, sức khỏe ổn định hơn. Bản thân anh hiện nay làm phụ hồ thuê, công việc bấp bênh, thu nhập rất thấp, bình quân khoảng 6.000.000đồng/tháng. Bà Hoa vừa chăm sóc cháu C, vừa phải hỗ trợ thêm với anh về kinh tế nuôi cháu C ăn học. Chị T bị bệnh, không chăm sóc được con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Anh và chị T không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án:

Chị T đã tự viết bản tự khai trình bày quan điểm của chị: Chị đồng ý ly hôn với anh V. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung là Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 31/12/2010 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V. Về tài sản chung, công sức, nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Mạc Thị T1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị T. Chị T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng chị T bị ốm, không đến Tòa án làm việc được. Bà đi thay chị T trình bày với Tòa án. Chị T và anh V kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện Nam Sách. Sau khi kết hôn, chị T về nhà anh V sống cùng anh V và gia đình nhà chồng. Anh chị chung sống bình thường đến đầu năm 2011 thì chị T bị ốm, sức khỏe không được tốt, đã đi điều trị nhiều nơi nhưng không đỡ. Sau đó, chị T về nhà bà để bà chăm sóc từ năm 2013 đến nay. Anh V và gia đình không quan tâm gì đến chị T. Nay anh V xin ly hôn, chị T đồng ý. Bà T1 đề nghị Tòa án chấp T1 cho anh chị ly hôn vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm gì đến nhau. Bà không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho chị T. Anh chị có một con chung như anh V khai. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao cháu C cho anh V nuôi dưỡng. Chị T không có điều kiện nuôi con cùng anh V nên đề nghị Tòa án không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh V. Bà T1 không có đề nghị nào khác.

Sau đó, bà T1 thay đổi quan điểm và trình bày: Chị T mắc bệnh tâm thần từ năm 2011 đến nay, thường xuyên phải đi bệnh viện khám, lấy thuốc và điều trị. Bà T1 không yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Từ trước đến nay, bà T1 là người đại diện, người giám hộ cho chị T trong mọi vấn đề. Anh V xin ly hôn thì làm thủ tục đơn phương theo quy định. Bà T1 và chị T không đến Tòa án làm việc. Khi nào chị T khỏi bệnh, chị T tự tham gia tố tụng. Bà T1 không ký bất cứ văn bản gì.

Tòa án đã giải thích cho bà T1 về quyền, nghĩa vụ của bà T1 và chị T trong vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Quyền được cung cấp chứng cứ,

tham gia các phiên họp, hòa giải, các phiên tòa. Bà T1 trình bày: Bà và chị T không đến Tòa án hay bất cứ đâu để làm việc. Bà T1 đồng ý làm người đại diện theo pháp luật của chị T trong vụ án này do chị T bị bệnh tâm thần. Bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị T chỉ làm được công việc lật vật trong gia đình, không làm được công việc có thu nhập. Chị T được Nhà nước trợ cấp 570.000đồng/tháng, các chi phí khác của chị T, bà T1 chịu trách nhiệm. Bà không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho chị T.

Người làm chứng:

Bà Mạc Thị K trình bày: Chị T và anh V kết hôn xong thì sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi chị T sinh con được khoảng 06 ngày thì bị bệnh mất ngủ, nói lảm nhảm. Gia đình bà đưa chị T đi điều trị thì bác sỹ nói chị T mắc bệnh trầm cảm sau sinh. Hai bên gia đình kết hợp cùng đưa chị T đi điều trị tại nhiều bệnh viện nhưng không có kết quả. Sau đó, mẹ đẻ chị T đưa chị T về bên nhà để chăm sóc, còn bà Hoa chăm sóc con của anh chị. Anh V lo làm việc kiếm tiền nuôi cả nhà. Con chung của anh chị là cháu C lúc nhỏ mắc bệnh giảm trí nhớ, thường xuyên phải đi khám chữa bệnh. Bà Hoa phải kiên trì đưa cháu đi các lớp điều trị đặc biệt nên hiện nay cháu đã ổn định và đi học được. Anh V có công việc nhưng thu nhập thấp, chỉ đủ nuôi bản thân và nuôi con, không có điều kiện chu cấp cho chị T. Anh V và chị T ly thân nhau từ năm 2011 đến nay. Nay anh V xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có một con chung là cháu C. Cháu đang ở cùng anh V và bà Hoa. Đề nghị Tòa án giao cháu C cho anh V nuôi dưỡng. Bà trông nom cháu C giúp anh V khi anh V bận công việc, tạo điều kiện để hai bố con có chỗ ở ổn định, lâu dài.

Kết quả xác minh tại địa phương:

Anh Nguyễn Văn V và chị Đỗ Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại nhà bà Hoa là mẹ đẻ anh V. Sau khi sinh con xong thì chị T bị bệnh. Gia đình anh V đã đưa chị T đi chữa trị nhưng không đỡ. Khoảng năm 2011, chị T về nhà bà T1 là mẹ đẻ sinh sống đến nay. Bà T1 cũng đã kiên trì đưa chị T đi điều trị nhưng bệnh tình không thuyên giảm. Hiện tại chị T đi chăn bò, làm những công việc lặt vặt, không đi làm được việc gì khác nên không có thu nhập. Chị T được UBND xã HT cấp giấy chứng nhận khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ nặng. Mỗi tháng chị T được Nhà nước trợ cấp 570.000đồng tính từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Anh V hiện ở cùng bà Hoa tại thôn Tè. Anh V làm công việc gì thì địa phương không nắm được. UBND xã HT cung cấp Hồ sơ cấp giấy xác nhận khuyết tật cho chị T thể hiện: Chị T được chẩn đoán bị bệnh tâm

thần phân liệt được Bệnh viện tâm thần Hải Dương đưa vào quản lý, theo dõi, điều trị ngoại trú. Người đại diện theo pháp luật của chị T là bà Mạc Thị T1.

Tại phiên toà:

Anh V giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị T. Bà T1 không yêu cầu anh cấp dưỡng cho chị T, anh đồng ý. Anh sẽ cố gắng hỗ trợ bà T1 về kinh phí để điều trị cho chị T trong điều kiện của anh. Anh đề nghị được nuôi cháu C và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T – Bà Nguyễn Thị Ứng trình bày: Theo bà T1 cung cấp thì chị T và anh V có mâu thuẫn với nhau khi còn chung sống, nguyên nhân một phần là do anh V làm ăn thua lỗ dẫn đến chị T phải lo lắng, suy nghĩ nhiều trong lúc mang thai. Sau khi chị T sinh con, anh V không quan tâm đến chị dẫn đến chị T bị trầm cảm, đã được hai bên gia đình đưa đi chữa trị nhưng bệnh ngày càng nặng thêm. Anh V và chị T đã ly thân nhau 12 năm nay. Nay anh V xin ly hôn, bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà T1 không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho chị T. Về con chung, bà T1 đề nghị giao cháu C cho anh V nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T1 không có yêu cầu nào khác.

Đại diện VKSND huyện Nam Sách tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

**** Hướng giải quyết vụ án:*** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn V về việc ly hôn với chị Đỗ Thị T. Chấp T1 sự tự nguyện của bà T1 không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho chị T. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 31/12/2010 cho anh V nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh V. Về án phí: Anh V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân

và gia đình. Bị đơn là chị Đỗ thị T, sinh năm 1985; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn CĐ, xã HT, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Bà T1 và UBND xã HT xuất trình cho Tòa án các giấy tờ và hồ sơ bệnh án thể hiện chị T bị bệnh tâm thần. Bà T1 đồng ý là người đại diện cho chị T tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà T1 và anh V đều không yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Chị T đã được Trung tâm trợ giúp pháp lý cử bà Nguyễn Thị Ung bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án.

[2.2] Chị T và bà T1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và bà T1.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Đỗ Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ngày 08/11/2009, cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V làm ăn thua lỗ dẫn đến chị T lo lắng, suy nghĩ. Sau khi sinh con vào ngày 31/12/2010 được một thời gian thì chị T có dấu hiệu bị bệnh, thường mất ngủ, nói lảm nhảm. Anh V và gia đình hai bên đã đưa chị T đến nhiều bệnh viện khám và điều trị nhưng bệnh không thuyên giảm. Chị T về nhà mẹ đẻ từ cuối năm 2013 đến nay. Bà T1 là người đại diện theo pháp luật của chị T tham gia tố tụng trong vụ án này. Ban đầu, bà T1 đề nghị Tòa án chấp T1 cho anh V và chị T ly hôn vì anh chị ly thân đã lâu. Sau đó, bà T1 thay đổi quan điểm, đề nghị khi nào chị T khỏi bệnh, chị T tự tham gia tố tụng. Bà T1 không ký bất cứ văn bản gì, không có yêu cầu đề nghị gì trong vụ án này.

Qua lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa anh V và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh V về việc ly hôn chị T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc cấp dưỡng cho chị T: Chị T bị bệnh tâm thần, không có khả năng lao động để có thu nhập nuôi sống bản thân. Tuy nhiên, chị T vẫn làm được công việc nội trợ trong gia đình, tự chăm sóc được cho bản thân và đi chăn bò phụ giúp bà T1. Chị T được Nhà nước trợ cấp 570.000đồng/tháng. Bà T1

không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho chị T. Anh V hiện có khó khăn về kinh tế, không có tài sản riêng, công việc bấp bênh, thu nhập bình quân 6.000.000đồng/tháng, chỉ đủ chi trả cho bản thân và nuôi con. Nếu phải cấp dưỡng cho chị T, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận sự tự nguyện của bà T1, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho chị T sau khi anh chị ly hôn.

[5] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 31/12/2010. Cháu C đang ở cùng anh V. Xét điều kiện, sức khỏe của anh V và chị T cùng nguyện vọng của cháu C, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu C cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh V, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

[7] Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 3, 51, 56, 81, 82, 83, 107, 115 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V ly hôn chị Đỗ Thị T.

Sau khi ly hôn, anh V không phải cấp dưỡng cho chị T.

2. Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 31/12/2010 cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Anh V tự nguyện không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2021/0004235 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Anh V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T và bà T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Trang Bùi Thị Quy

Phạm Thúy Hằng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã HT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Hằng

